

CÔNG TY CỔ PHẦN ALPHANAM

Khu Công nghiệp Phố Nối A, Trung Trắc, Văn Lâm, Hưng Yên

Bảng cân đối kế toán hợp nhất**BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT**

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2011

Đơn vị tính: VND

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối quý	Số đầu năm
A. TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		825,467,621,305	965,658,787,106
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	110		54,102,352,855	77,060,328,531
1. Tiền	111	V.01	28,936,752,855	20,856,528,531
2. Các khoản tương đương tiền	112		25,165,600,000	56,203,800,000
II. Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn	120	V.02	31,765,139,000	263,392,572,242
1. Đầu tư ngắn hạn	121		32,947,983,286	264,577,953,842
2. Dự phòng giảm giá đầu tư ngắn hạn (*)	129		(1,182,844,286)	(1,185,381,600)
III. Các khoản phải thu ngắn hạn	130		515,143,573,248	382,815,612,168
1. Phải thu khách hàng	131		296,350,079,015	332,713,913,062
2. Trả trước cho người bán	132		117,138,191,618	25,370,402,301
3. Phải thu nội bộ ngắn hạn	133		-	-
4. Phải thu theo tiến độ kế hoạch HĐXD	134		-	-
5. Các khoản phải thu khác	135	V.03	107,471,259,224	31,006,704,517
6. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi (*)	139		(5,815,956,609)	(6,275,407,712)
IV. Hàng tồn kho	140		219,339,687,495	231,318,190,899
1. Hàng tồn kho	141	V.04	224,333,752,556	231,318,190,899
2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho (*)	149		(4,994,065,061)	-
V. Tài sản ngắn hạn khác	150		5,116,868,707	11,072,083,266
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151		745,538,095	3,124,041,713
2. Thuế GTGT được khấu trừ	152		298,033,024	1,111,715,097
3. Thuế và các khoản phải thu Nhà nước	154	V.05	301,247,459	25,583,585
4. Tài sản ngắn hạn khác	158		3,772,050,129	6,810,742,871

CÔNG TY CỔ PHẦN ALPHANAM

Khu Công nghiệp Phố Nối A, Trung Trắc, Văn Lâm, Hưng Yên

Bảng cân đối kế toán hợp nhất (tiếp theo)

Đơn vị tính: VND

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối quý	Số đầu năm
B. TÀI SẢN DÀI HẠN	200		745,202,539,186	585,609,114,388
I. Các khoản phải thu dài hạn	210		-	-
1. Phải thu dài hạn của khách hàng	211		-	-
2. Vốn kinh doanh ở đơn vị trực thuộc	212		-	-
3. Phải thu dài hạn nội bộ	213	V.06	-	-
4. Phải thu dài hạn khác	218	V.07	-	-
5. Dự phòng phải thu dài hạn khó đòi (*)	219		-	-
II. Tài sản cố định	220		44,075,213,046	107,119,765,970
1. Tài sản cố định hữu hình	221	V.08	34,075,512,962	90,026,002,052
- Nguyên giá	222		61,185,829,931	143,285,403,786
- Giá trị hao mòn lũy kế (*)	223		(27,110,316,969)	(53,259,401,734)
2. Tài sản cố định thuê tài chính	224	V.09	3,540,493,734	1,875,792,758
- Nguyên giá	225		4,280,734,238	2,164,376,238
- Giá trị hao mòn lũy kế (*)	226		(740,240,504)	(288,583,480)
3. Tài sản cố định vô hình	227	V.10	5,373,208,601	10,292,985,011
- Nguyên giá	228		7,244,923,697	13,284,887,600
- Giá trị hao mòn lũy kế (*)	229		(1,871,715,096)	(2,991,902,589)
4. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	230	V.11	1,085,997,749	4,924,986,149
III. Bất động sản đầu tư	240	V.12	2,607,500,000	2,607,000,000
- Nguyên giá	241		2,607,500,000	2,607,000,000
- Giá trị hao mòn lũy kế (*)	242		-	-
IV. Các khoản đầu tư tài chính dài hạn	250	V.13	637,731,492,073	407,854,364,368
1. Đầu tư vào công ty con	251		-	-
2. Đầu tư vào công ty liên kết, liên doanh	252		534,657,737,670	22,565,729,390
3. Đầu tư dài hạn khác	258		103,073,754,403	385,288,634,978
4. Dự phòng giảm giá đầu tư tài chính dài hạn (*)	259		-	-
V. Tài sản dài hạn khác	260		2,280,633,832	3,949,204,140
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	V.14	1,760,415,872	3,350,756,581
2. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	262	V.21	-	82,951,988
3. Tài sản dài hạn khác	268		520,217,960	515,495,571
VI. Lợi thế Thương mại			58,507,700,235	64,078,779,911
TỔNG CỘNG TÀI SẢN	270		1,570,670,160,491	1,551,267,901,494

CÔNG TY CỔ PHẦN ALPHANAM

Khu Công nghiệp Phố Nối A, Trung Trắc, Văn Lâm, Hưng Yên

Bảng cân đối kế toán hợp nhất (tiếp theo)

Đơn vị tính: VND

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối quý	Số đầu năm
A. NỢ PHẢI TRẢ	300		611,513,650,438	695,211,121,757
I. Nợ ngắn hạn	310		544,197,761,957	570,712,870,062
1. Vay và nợ ngắn hạn	311	V.15	312,317,935,493	265,109,288,432
2. Phải trả người bán	312		91,471,033,595	88,159,959,335
3. Người mua trả tiền trước	313		98,432,835,121	178,385,232,846
4. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	314	V.16	21,901,740,781	16,583,850,320
5. Phải trả người lao động	315		4,716,715,844	8,028,228,073
6. Chi phí phải trả	316	V.17	2,159,457,075	7,089,322,693
7. Phải trả nội bộ	317		-	-
8. Phải trả theo tiến độ kế hoạch HĐXD	318		-	-
9. Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác	319	V.18	7,221,924,379	3,128,246,232
10. Dự phòng phải trả ngắn hạn	320		2,437,752,776	2,159,184,449
11. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	323		3,538,366,893	2,069,557,682
II. Nợ dài hạn	330		67,315,888,481	124,498,251,695
1. Phải trả dài hạn người bán	331		-	-
2. Phải trả dài hạn nội bộ	332	V.19	-	-
3. Phải trả dài hạn khác	333		5,332,781,632	3,514,637,873
4. Vay và nợ dài hạn	334	V.20	7,026,950,262	110,443,261,104
5. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả	335	V.21	31,614,818,072	1,530,000,000
6. Dự phòng trợ cấp mất việc làm	336		228,541,248	232,496,748
7. Dự phòng phải trả dài hạn	337		-	-
8. Doanh thu chưa thực hiện	338		23,112,797,267	8,777,855,970
9. Quỹ phát triển khoa học và công nghệ	339		-	-
B. VỐN CHỦ SỞ HỮU	400		840,353,835,062	729,603,674,897
I. Vốn chủ sở hữu	410	V.22	840,353,835,062	729,603,674,897
1. Vốn đầu tư của chủ sở hữu	411		645,844,130,000	438,203,940,000
2. Thặng dư vốn cổ phần	412		74,155,820,000	181,796,010,000
3. Vốn khác của chủ sở hữu	413		-	-
4. Cổ phiếu quỹ (*)	414		-	-
5. Chênh lệch đánh giá lại tài sản	415		-	-
6. Chênh lệch tỷ giá hối đoái	416		3,845,411,511	5,884,684,682
7. Quỹ đầu tư phát triển	417		5,485,854,428	4,649,596,131
8. Quỹ dự phòng tài chính	418		439,365,097	435,087,978
9. Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	419		6,309,092,169	3,807,986,471
10. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	420		104,274,161,857	94,826,369,635
11. Nguồn vốn đầu tư XDCB	421		-	-
12. Quỹ hỗ trợ sắp xếp doanh nghiệp	422		-	-
II. Nguồn kinh phí và quỹ khác	430		-	-
1. Nguồn kinh phí	432	V.23	-	-
2. Nguồn kinh phí đã hình thành TSCĐ	433		-	-
C. LỢI ÍCH CÓ ĐỒNG THIỂU SỐ			118,802,674,991	126,453,104,841
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN	440		1,570,670,160,491	1,551,267,901,494

CÔNG TY CỔ PHẦN ALPHANAM

Khu Công nghiệp Phố Nối A, Trung Trắc, Văn Lâm, Hưng Yên

Bảng cân đối kế toán hợp nhất (tiếp theo)**CHỈ TIÊU NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN**

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2011

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Số cuối quý	Số đầu năm
1. Tài sản thuê ngoài		-	-
2. Vật tư, hàng hóa nhận giữ hộ, nhận gia công		-	-
3. Hàng hóa nhận bán hộ, nhận ký gửi, ký cược		-	-
4. Nợ khó đòi đã xử lý		-	1,326,571,281
5. Ngoại tệ các loại			
USD		352.61	106,430.04
EUR		-	8,359.39
JPY		-	-
6. Dự toán chi sự nghiệp, dự án		-	-
7. Mệnh giá Cổ phiếu ủy thác		-	2,674,480,000

Ghi chú: Các chỉ tiêu có số liệu âm được ghi trong ngoặc đơn ()

p. Kế toán trưởng


Nguyễn Văn Anh

Lập ngày 20 tháng 02 năm 2012

Tổng Giám đốc
Nguyễn Tuấn Hải

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

Quý IV năm 2011

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Quý IV năm nay	Quý IV năm trước	Lũy kế Quý IV năm nay	Lũy kế Quý IV năm trước
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	VI.01	315,516,480,678	444,750,154,436	1,138,972,698,459	1,293,666,367,191
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02	VI.02	7,778,779,888	11,972,841,605	48,719,172,882	38,452,163,952
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	10	VI.03	307,737,700,790	432,777,312,831	1,090,253,525,577	1,255,214,203,239
4. Giá vốn hàng bán	11	VI.04	269,927,837,807	370,003,807,204	969,988,999,755	1,027,356,018,759
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	20		37,809,862,983	62,773,505,627	120,264,525,822	227,858,184,480
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	VI.05	348,824,405	19,240,789,716	24,162,414,422	81,413,401,297
7. Chi phí tài chính	22	VI.06	36,173,141,506	28,715,139,980	127,778,619,346	98,695,182,148
- Trong đó: Chi phí lãi vay	23		14,608,553,678	22,321,935,119	55,273,887,940	42,044,095,158
8. Chi phí bán hàng	24		13,229,716,168	25,093,526,743	56,042,844,299	62,890,876,237
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	25		14,468,250,895	4,881,329,998	46,792,548,373	52,956,864,088
10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	30		(25,712,421,181)	23,324,298,622	(86,187,071,774)	94,728,663,304
11. Thu nhập khác	31		118,139,441,062	3,207,701,507	196,230,980,627	5,539,843,364
12. Chi phí khác	32		2,527,690,204	1,326,233,630	5,088,593,524	12,501,387,090
13. Lợi nhuận khác	40		115,611,750,858	1,881,467,877	191,142,387,103	(6,961,543,726)
14. Phân lãi, lỗ trong công ty liên kết liên doanh			(47,015,393,218)		(50,015,393,218)	
15. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	50		42,883,936,459	25,205,766,499	54,939,922,111	87,767,119,578
16. Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	VI.07	1,992,796,458	3,175,566,399	4,295,656,857	13,148,784,424
17. Chi phí thuế TNDN hoãn lại	52	VI.08	12,549,541,446	(1,106,431,719)	30,084,818,072	2,805,828,587
19. Lợi nhuận sau thuế TNDN	60		28,341,598,555	23,136,631,818	20,559,447,182	71,812,506,567
19.1. Lợi nhuận sau thuế của cổ đông thiểu số	61		(1,967,009,923)	8,232,801,705	1,789,330,474	16,617,661,432
19.2. Lợi nhuận sau thuế của cổ đông của công ty mẹ	62		30,308,608,478	14,903,830,112	18,770,116,708	55,194,845,135
18. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70					

Lập ngày 20 tháng 02 năm 2012

P. Kế toán trưởng

Nguyễn Văn Anh

Tổng Giám đốc

CÔNG TY CỔ PHẦN ALPHANAM

H. VĂN LÂM, T. HƯNG YÊN

Nguyễn Tuấn Hải

CÔNG TY CỔ PHẦN ALPHANAM

Khu Công nghiệp Phố Nối A, Trung Trắc, Văn Lâm, Hưng Yên

Bảng cân đối kế toán hợp nhất**BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT**

(Theo phương pháp trực tiếp)

Quý IV năm 2011

CHỈ TIÊU	Mã số	TM	Quý IV năm nay	Quý IV năm trước
I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh				
1. Tiền thu từ bán hàng, cung cấp dịch vụ và doanh thu khác	01		397 638 115 791	1203 316 412 166
2. Tiền chi trả cung cấp hàng hoá và dịch vụ	02		(211 613 342 529)	(538 339 356 941)
3. Tiền chi trả cho người lao động	03		(13 970 708 825)	(45 597 372 892)
4. Tiền chi trả lãi vay	04		(15 700 576 159)	(30 029 917 570)
5. Tiền chi nộp thuế Thu nhập doanh nghiệp	05		(567 930 258)	(7 093 599 121)
6. Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	06		349 845 468 660	598 087 556 799
7. Tiền chi khác từ hoạt động kinh doanh	07		(352 785 238 271)	(861 347 426 085)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động sản xuất kinh doanh	20		152 845 788 408	318 996 296 356
II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư				
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các tài sản dài hạn kt 21				(64 895 505)
2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán TSCĐ và các tài sản dài hạn 22				473 100
3. Tiền chi cho vay, mua bán CCDC của đơn vị khác	23		(200 000 000)	(17 901 263 333)
4. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	24		269 733 333	9 798 370 000
5. Tiền chi đầu tư, góp vốn vào đơn vị khác	25		(5 217 300 000)	(41 569 757 300)
6. Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	27		17 763 000 000	129 663 012 854
7. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	28			17 759 675
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30		12 615 433 333	79 943 699 491
III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính				
1. Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận vốn góp của chủ sở hữu 31				
2. Tiền chi trả vốn góp cho các chủ sở hữu, mua lại cổ phiếu của 32				
3. Tiền vay ngắn hạn, dài hạn nhận được	33		25 321 576 374	151 424 678 116
4. Tiền chi trả nợ gốc vay	34		(166 973 271 372)	(524 275 575 288)
5. Tiền chi trả nợ thuê tài chính	35		(2 097 479 841)	(6 827 843 237)
6. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36			(6 530 935 209)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40		(143 749 174 839)	(386 209 675 618)

Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ (50 = 20+30+40)	50	21 712 046 902	12 730 320 229
Tiến và tương đương tiền tồn đầu kỳ	60	V.1 31 832 612 245	53 121 048 641
Anh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61	557 693 708	1 673 968 710
Tiến và tương đương tiền tồn cuối kỳ (70 = 50+60+61)	70	V.1 54 102 352 855	67 525 337 580

Lập ngày 20 tháng 02 năm 2012

p. Kế toán trưởng


Nguyễn Văn Anh.

Tổng Giám đốc

Nguyễn Tuấn Hải

CÔNG TY CỔ PHẦN ALPHANAM

Khu Công nghiệp Phố Nối A, Trung Trắc, Văn Lâm, Hưng Yên

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (DẠNG TÓM TẮT)

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2011

Quý IV năm 2011

01. Tiền

	Số cuối quý	Số đầu năm
- Tiền mặt	3,257,501,400	2,916,464,480
- Tiền gửi ngân hàng	25,618,393,803	17,789,550,447
- Tiền đang chuyển	60,857,652	150,513,604
Cộng	28,936,752,855	20,856,528,531

02. Đầu tư tài chính ngắn hạn

	Số cuối quý	Số đầu năm
Đầu tư ngắn hạn	32,947,983,286	264,577,953,842
- Chứng khoán đầu tư ngắn hạn	32,397,983,286	172,634,163,302
- Đầu tư ngắn hạn khác	550,000,000	91,943,790,540
Dự phòng giảm giá đầu tư ngắn hạn	(1,182,844,286)	(1,185,381,600)
Cộng	31,765,139,000	263,392,572,242

03. Các khoản phải thu ngắn hạn

	Số cuối quý	Số đầu năm
- Phải thu của khách hàng	296,350,079,015	332,713,913,062
- Trả trước cho người bán	117,138,191,618	25,370,402,301
- Phải thu nội bộ ngắn hạn	-	-
- Phải thu theo tiến độ kế hoạch HĐXD	-	-
- Phải thu khác	107,471,259,224	31,006,704,517
- Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	(5,815,956,609)	(6,275,407,712)
Cộng	515,143,573,248	382,815,612,168

04. Hàng tồn kho

	Số cuối quý	Số đầu năm
- Hàng mua đang đi đường	169,309,709	1,572,079,173
- Nguyên liệu, vật liệu	74,715,987,039	92,380,859,215
- Công cụ, dụng cụ	25,850,000	541,487,183
- Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang	111,022,379,789	69,706,340,024
- Thành phẩm	22,902,969,373	34,386,812,171
- Hàng hoá	15,456,828,409	32,498,834,759
- Hàng gửi đi bán	40,428,237	231,778,374
- Hàng hoá kho bảo thuế	-	-
- Hàng hoá bất động sản	-	-
Cộng giá gốc của hàng tồn kho	224,333,752,556	231,318,190,899

05. Chi phí trả trước ngắn hạn

	Số cuối quý	Số đầu năm
	745,538,095	3,124,041,713
Cộng	745,538,095	3,124,041,713

CÔNG TY CỔ PHẦN ALPHANAM

Khu Công nghiệp Phố Nối A, Trung Trắc, Văn Lâm, Hưng Yên

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

06. Thuế và các khoản phải thu Nhà nước

	<u>Số cuối quý</u>	<u>Số đầu năm</u>
- Thuế GTGT đầu ra nộp thừa	-	-
- Thuế GTGT hàng nhập khẩu nộp thừa	195,055,018	-
- Thuế tiêu thụ đặc biệt nộp thừa	105,968,519	-
- Thuế xuất, nhập khẩu nộp thừa	-	-
- Thuế thu nhập doanh nghiệp nộp thừa	223,922	23,715,799
- Thuế thu nhập cá nhân nộp thừa	-	1,867,786
- Thuế nhà đất, tiền thuê đất nộp thừa	-	-
- Thuế khác nộp thừa	-	-
- Các khoản khác phải thu Nhà nước	-	-
Cộng	301,247,459	25,583,585

07. Tài sản ngắn hạn khác

	<u>Số cuối quý</u>	<u>Số đầu năm</u>
- Tài sản thiếu chờ xử lý	15,379,725	15,379,725
- Tạm ứng	3,007,368,454	3,275,347,325
- Cầm cố, ký quỹ, ký cược ngắn hạn	749,301,950	3,520,015,821
Cộng	3,772,050,129	6,810,742,871

08. Tài sản cố định

	<u>Số cuối quý</u>	<u>Số đầu năm</u>
Tài sản cố định hữu hình	34,075,512,962	90,026,002,052
- Nguyên giá	61,185,829,931	143,285,403,786
- Hao mòn lũy kế	(27,110,316,969)	(53,259,401,734)
Tài sản cố định vô hình	3,540,493,734	1,875,792,758
- Nguyên giá	4,280,734,238	2,164,376,238
- Hao mòn lũy kế	(740,240,504)	(288,583,480)
Tài sản cố định thuê tài chính	5,373,208,601	10,292,985,011
- Nguyên giá	7,244,923,697	13,284,887,600
- Hao mòn lũy kế	(1,871,715,096)	(2,991,902,589)
Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	1,085,997,749	4,924,986,149
Cộng	44,075,213,046	107,119,765,970

09. Các khoản đầu tư tài chính dài hạn

	<u>Số cuối quý</u>	<u>Số đầu năm</u>
Đầu tư vào Công ty liên doanh, liên kết	534,657,737,670	22,565,729,390
- Đầu tư vào công ty liên kết	534,657,737,670	22,565,729,390
- Đầu tư vào công ty liên doanh	-	-
Đầu tư dài hạn khác	103,073,754,403	385,288,634,978
Dự phòng giảm giá đầu tư tài chính dài hạn	-	-
Cộng	637,731,492,073	407,854,364,368

10. Chi phí trả trước dài hạn

	<u>Số cuối quý</u>	<u>Số đầu năm</u>
- Chi phí trả trước dài hạn	1,760,415,872	3,350,756,581
Cộng	1,760,415,872	3,350,756,581

CÔNG TY CỔ PHẦN ALPHANAM

Khu Công nghiệp Phố Nối A, Trung Trắc, Văn Lâm, Hưng Yên

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)**11. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại**

	Số cuối quý	Số đầu năm
Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	-	82,951,988
Cộng	-	82,951,988

12. Tài sản dài hạn khác

	Số cuối quý	Số đầu năm
- Ký cược, ký quỹ dài hạn	333,685,960	515,495,571
- Tài sản dài hạn khác	186,532,000	-
Cộng	520,217,960	515,495,571

13. Vay và nợ ngắn hạn

	Số cuối quý	Số đầu năm
- Vay ngắn hạn và nợ ngắn hạn	312,317,935,493	256,668,957,480
- Vay ngân hàng	285,150,943,818	242,654,007,480
+ Ngân hàng Đầu tư và Phát triển Việt Nam	31,620,586,796	49,941,193,040
+ Ngân hàng TNHH MTV HSBC	15,654,390,000	5,600,000,000
- Vay đối tượng khác	27,166,991,675	14,014,950,000
+ Công ty CP Aphanam miền trung	12,426,400,000	-
+ Bà Đỗ Thị Minh Anh	11,589,900,000	11,856,000,000
- Vay và nợ dài hạn đến hạn trả	7,026,950,262	8,440,330,952
+ Vay dài hạn đến hạn trả	7,026,950,262	8,064,721,412
+ Ngân hàng TMCP Quân đội	4,746,776,778	4,358,583,788
Cộng	319,344,885,755	265,109,288,432

14. Phải trả người bán

	Số cuối quý	Số đầu năm
Phải trả người bán	91,471,033,595	88,159,959,335
Cộng	91,471,033,595	88,159,959,335

15. Người mua trả tiền trước

	Số cuối quý	Số đầu năm
Người mua trả tiền trước	98,432,835,121	178,385,232,846
Cộng	98,432,835,121	178,385,232,846

16. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước

	Số cuối quý	Số đầu năm
- Thuế giá trị gia tăng đầu ra	13,039,850,582	7,793,782,665
- Thuế giá trị gia tăng hàng nhập khẩu	151,945,884	713,146,269
- Thuế tiêu thụ đặc biệt	-	-
- Thuế xuất, nhập khẩu	93,443,867	237,366,107
- Thuế thu nhập doanh nghiệp	8,546,941,367	7,531,349,192
- Thuế thu nhập cá nhân	69,559,081	71,235,087
- Thuế tài nguyên	-	-
- Thuế nhà đất và tiền thuê đất	-	236,971,000

CÔNG TY CỔ PHẦN ALPHANAM

Khu Công nghiệp Phố Nối A, Trung Trắc, Văn Lâm, Hưng Yên

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

- Các loại thuế khác	-	-
- Các khoản phí, lệ phí và các khoản phải nộp khác	-	-
Cộng	21,901,740,781	16,583,850,320
17. Phải trả người lao động	Số cuối quý	Số đầu năm
Phải trả người lao động	4,716,715,844	8,028,228,073
Cộng	4,716,715,844	8,028,228,073
18. Chi phí phải trả	Số cuối quý	Số đầu năm
- Chi phí phải trả	2,159,457,075	7,089,322,693
- Chi phí khác	-	-
Cộng	2,159,457,075	7,089,322,693
19. Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác	Số cuối quý	Số đầu năm
- Tài sản thừa chờ giải quyết	26,721,938	58,817,892
- Kinh phí công đoàn	932,651,754	618,765,584
- Bảo hiểm xã hội	115,327,383	59,577,000
- Bảo hiểm y tế	47,658,264	4,068,000
- Bảo hiểm thất nghiệp	13,179,000	-
- Phải trả về cổ phần hóa	-	-
- Nhận ký quỹ, ký cược ngắn hạn	-	-
- Các khoản phải trả, phải nộp khác	6,086,386,040	2,387,017,756
+ Công ty Cổ phần Alphanam Miền Trung	1,402,155,708	-
+ Công ty Cổ phần Alphanam Cơ điện	4,209,722,557	-
+ Các đối tượng khác	5,550,956,804	1,430,857,952
Cộng	7,221,924,379	3,128,246,232
20. Dự phòng phải trả ngắn hạn	Số cuối quý	Số đầu năm
Dự phòng phải trả ngắn hạn	2,437,752,776	2,159,184,449
Cộng	2,437,752,776	2,159,184,449
21. Quỹ khen thưởng phúc lợi	Số cuối quý	Số đầu năm
Quỹ khen thưởng phúc lợi	3,538,366,893	2,069,557,682
Cộng	3,538,366,893	2,069,557,682
22. Phải trả dài hạn khác	Số cuối quý	Số đầu năm
- Nhận ký quỹ, ký cược dài hạn	4,626,089,570	2,823,903,610
- Phải trả dài hạn khác	706,692,062	690,734,263
Cộng	5,332,781,632	3,514,637,873
23. Vay và nợ dài hạn		

CÔNG TY CỔ PHẦN ALPHANAM

Khu Công nghiệp Phố Nối A, Trung Trắc, Văn Lâm, Hưng Yên

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

	<u>Số cuối quý</u>	<u>Số đầu năm</u>
- Vay dài hạn	4,688,844,951	109,198,547,613
- Nợ dài hạn	2,338,105,311	1,244,713,491
Cộng	7,026,950,262	110,443,261,104
- Các khoản nợ thuê tài chính		
24. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả		
a. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả		
	<u>Số cuối quý</u>	<u>Số đầu năm</u>
- Thuế thu nhập hoãn lại phải trả phát sinh từ các khoản chênh lệch tạm thời chịu thuế		
- Khoản hoãn nhập thuế thu nhập hoãn lại phải trả đã được ghi nhận từ các năm trước		
- Thuế thu nhập hoãn lại phải trả	31,614,818,072	1,530,000,000
Thuế thu nhập hoãn lại phải trả	31,614,818,072	1,530,000,000

CÔNG TY CỔ PHẦN ALPHANAM

Khu Công nghiệp Phố Nối A, Trung Trắc, Văn Lâm, Hưng Yên

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)**VI. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRÊN BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH**

Đơn vị tính: VND

Lũy kế từ đầu năm đến cuối

01. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ (Mã số 01)

Trong đó:

- Doanh thu bán hàng hóa
- Doanh thu bán thành phẩm
- Doanh thu cung cấp dịch vụ
- Doanh thu hợp đồng xây dựng
- Doanh thu hoạt động kinh doanh khác

Cộng

Quý IV năm nay

Quý IV năm trước

620,544,267,204

309,342,389,687

175,427,843,578

401,445,779,236

339,214,604,173

357,628,700,928

-

185,424,395,621

3,785,983,504

39,825,101,719

1,138,972,698,459**1,293,666,367,191****02. Các khoản giảm trừ doanh thu (Mã số 02)**

Trong đó:

- Chiết khấu thương mại
- Giảm giá hàng bán
- Hàng bán bị trả lại

Cộng

Quý IV năm nay

Quý IV năm trước

30,272,427,329

24,490,261,864

-

(5,524,695)

18,446,745,553

13,967,426,783

48,719,172,882**38,452,163,952****03. Giá vốn hàng bán (Mã Số 11)**

- Giá vốn của hàng hóa đã bán
- Giá vốn của thành phẩm đã bán
- Giá vốn của dịch vụ đã cung cấp
- Giá vốn của hoạt động xây dựng
- Giá vốn của bất động sản
- Dự phòng giảm giá hàng tồn kho
- Giá vốn của bất động sản

Cộng

Quý IV năm nay

Quý IV năm trước

583,059,674,116

652,073,003,795

95,275,231,410

87,131,935,721

291,654,094,229

288,114,379,354

-

-

-

36,699,889

-

-

-

-

969,988,999,755**1,027,356,018,759****04. Doanh thu hoạt động tài chính (Mã số 21)**

- Lãi tiền gửi, tiền cho vay
- Lãi đầu tư trái phiếu, kỳ phiếu, tín phiếu
- Cổ tức, lợi nhuận được chia
- Lãi bán ngoại tệ
- Lãi chênh lệch tỷ giá đã thực hiện
- Lãi chênh lệch tỷ giá chưa thực hiện
- Lãi từ chuyển nhượng đầu tư dài hạn
- Lãi bán hàng trả chậm
- Doanh thu hoạt động tài chính khác

Cộng

Quý IV năm nay

Quý IV năm trước

4,887,224,872

4,369,835,383

2,849,680

2,496,287,901

-

(15,989,825,800)

-

-

10,148,833,109

7,477,359,755

-

-

-

-

-

-

26,414,426,761

83,059,744,058

24,162,414,422**81,413,401,297**

CÔNG TY CỔ PHẦN ALPHANAM

Khu Công nghiệp Phố Nối A, Trung Trắc, Văn Lâm, Hưng Yên

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)**05. Chi phí tài chính (Mã số 22)**

	Quý IV năm nay	Quý IV năm trước
- Lãi tiền vay	54,094,575,027	42,044,095,158
- Chiết khấu thanh lãi bán hàng trả chậm	4,575,599,027	
- Lỗ do thanh lý các khoản đầu tư ngắn hạn, dài hạn	-	(5,236,400)
- Lỗ chênh lệch tỷ giá đã thực hiện	3,516,568,414	3,408,476,556
- Lỗ chênh lệch tỷ giá chưa thực hiện	-	
- Lỗ đầu tư chứng khoán	7,900,000,000	
- Dự phòng giảm giá đầu tư ngắn hạn, dài hạn	-	
- Trích lập dự phòng các khoản đầu tư	-	
- Chi phí tài chính khác	57,691,876,878	53,247,846,834
Cộng	127,778,619,346	98,695,182,148

06. Chi phí bán hàng (Mã số 24)

	Quý IV năm nay	Quý IV năm trước
- Chi phí nhân viên	17,131,120,441	23,455,680,835
- Chi phí vật liệu bao bì	4,772,367,059	4,440,778,272
- Chi phí dụng cụ, đồ dùng	668,090,735	375,995,836
- Chi phí khấu hao TSCĐ	1,202,563,831	1,172,708,139
- Chi phí bảo hành	4,534,903,086	4,489,291,565
- Chi phí dịch vụ mua ngoài	16,766,407,404	21,482,438,228
- Chi phí bằng tiền khác	10,967,391,743	7,473,983,362
Cộng	56,042,844,299	62,890,876,237

07. Chi phí quản lý doanh nghiệp (Mã số 25)

	Quý IV năm nay	Quý IV năm trước
- Chi phí nhân viên quản lý	19,926,612,039	22,897,899,099
- Chi phí vật liệu	354,724,594	94,952,727
- Chi phí đồ dùng văn phòng	1,324,603,899	1,306,257,619
- Chi phí khấu hao TSCĐ	4,224,903,433	4,440,921,459
- Thuế, phí và lệ phí	919,540,553	2,817,143,308
- Chi phí dự phòng	71,931,580	5,539,000
- Chi phí dịch vụ mua ngoài	12,021,371,393	10,210,113,995
- Lợi thế thương mại	1,178,201,114	
- Chi bằng tiền khác	6,770,659,768	11,184,036,881
Cộng	46,792,548,373	52,956,864,088

08. Thu nhập khác (Mã số 31)

	Quý IV năm nay	Quý IV năm trước
- Thu khác	196,230,980,627	5,539,843,364
Cộng	196,230,980,627	5,539,843,364

09. Chi phí khác (Mã số 32)

Quý IV năm nay	Quý IV năm trước
----------------	------------------

CÔNG TY CỔ PHẦN ALPHANAM

Khu Công nghiệp Phố Nối A, Trung Trắc, Văn Lâm, Hưng Yên

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

- Chi khác	5,088,593,524	12,501,387,090
Cộng	5,088,593,524	12,501,387,090

10. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành (Mã số 51)

	Quý IV năm nay	Quý IV năm trước
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	4,295,656,857	13,148,784,424
- Tổng chi phí thuế TNDN hiện hành	4,295,656,857	13,148,784,424

11. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại (Mã số 52)

	Quý IV năm nay	Quý IV năm trước
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại	30,084,818,072	2,805,828,587
- Tổng chi phí thuế TNDN hoãn lại	30,084,818,072	2,805,828,587

Ghi chú:

Các ảnh hưởng đến số lũy kế năm là do: tại thời điểm quý IV/2011 Công ty đang thực hiện việc tái cấu trúc lại các công ty con nên các chỉ tiêu doanh thu, giá vốn, lợi ích cổ đông thiểu số, bị thay đổi.

Kế toán trưởng


Nguyễn Văn Anh

Lập ngày 20 tháng 02 năm 2012

Tổng Giám đốc


Nguyễn Tuấn Hải